

Ngày soạn: 10/8/23

TIẾT : 11,12

## TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM.

### I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

#### 1. Kiến thức:

+ Thấy được thực trạng cuộc sống trẻ em hiện nay, những thách thức, cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta.

+ Nắm được những thể hiện của quan điểm về vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em ở Việt nam.

#### 2. Năng lực:

+ Tự nhận thức về quyền được bảo vệ và chăm sóc của trẻ em và trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với việc bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

+ Xác định giá trị bản thân cần hướng tới để bảo vệ và chăm sóc trẻ em trong bối cảnh thế giới hiện nay.

+ Giao tiếp: thể hiện sự cảm thông với những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh của trẻ em.

#### 3. Phẩm chất:

+ Giáo dục sự nhận thức đúng đắn về ý thức, nhiệm vụ của xã hội và bản thân với nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

+ Có tấm lòng nhân hậu, cảm thông và chia sẻ sâu sắc đối với những em nhỏ có hoàn cảnh thiệt thòi, có thái độ tích cực đối với những hàng vi vi phạm quyền trẻ em.

### II. CHUẨN BỊ

- Thầy: giáo án, sgk, tltk, bảng phụ. Trò: vở soạn, sgk, đồ dùng học tập.

### III- Tổ chức hoạt động dạy và học;

#### 1. Mở đầu

##### a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về cuộc sống của trẻ em trg đất nc và trên thế giới.

b. Nội dung: HS theo dõi và thực hiện yêu cầu của GV.

##### c. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	HĐ của HS và SP cần đạt
-Kiểm tra: ? - Ghi tên bài	HS hình dung và cảm nhận - Ghi tên bài

#### 2. Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: biết được tác giả, tác phẩm, bố cục, PTBD của văn bản.

+Biết được nội dung và nghệ thuật của văn bản.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

##### c. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	HĐ của HS và SP cần đạt
- Đọc to rõ ràng, mạch lạc, khúc triết từng mục. ? Văn bản được trích từ đâu? ? Giải nghĩa các từ sau:	<b>I- <u>Tìm hiểu chung về văn bản</u></b> <b>1- <u>Đọc, Chú thích:</u></b> * Văn bản: trích “Tuyên bố...” năm 1990

<p>+tăng trưởng: +vô gia cư          ?Xác định kiểu văn bản và phương thức biểu đạt?          ?Đoạn trích chia làm mấy phần?          * Bảng phụ: 4 phần:</p> <p>- Học sinh chú ý mục 1, 2          ? Mục 1,2 đề cập vấn đề gì? Nó có ý nghĩa như thế nào?          ? Vậy, mục đích đó là gì?          ?Mục2 đề cập vấn đề gì? Nó có ý nghĩa như thế nào?          ? Vậy, theo em mục đích chính của hội nghị cấp cao lần này là gì?          ?Tóm lại hai mục này có ý nghĩa như thế nào trong toàn bài?          -HS theo dõi mục 3.          ?Em có nhận xét gì nhiệm vụ ở mục 3?          -Chuyên đoạn, giới hạn vấn đề,          ?Mục 4,5,6 đề cập vấn đề gì?</p> <p>?Mục 7 đề cập vấn đề gì? Nó có ý nghĩa như thế nào?          ?Em có nhận xét gì về cách lập luận trong phần này?</p>	<p><b>2. <u>Kiểu vb và phương thức biểu đạt.</u></b>          - kiểu loại: văn bản nhật dụng- nghị luận chính trị xã hội  <b>3. <u>Bố cục:</u> 4 phần</b></p> <p><b><u>II. Tìm hiểu chi tiết về văn bản</u></b>  <b>1- <u>Phần mở đầu:</u></b>          - Mục 1:          +Nêu vấn đề, giới thiệu mục đích          +Mục đích: cam kết đảm bảo quyền trẻ em.          -Mục 2: khái quát những đặc điểm yêu cầu, khẳng định quyền được sống của trẻ trong hòa bình =&gt; đây là mục đích chính.          =&gt;hai mục 1 và 2 có nhiệm vụ nêu vấn đề có tính chất quyết định.</p> <p><b>2-<u>Sự thách thức:</u></b>          -Mục 3: chuyên ý, giới hạn vấn đề.          -Mục 4,5,6 nêu ra thực trạng trẻ em trở thành nạn nhân của xã hội:          +Nạn nhân chiến tranh...          +Đói nghèo, dịch bệnh,...          +Chết vì suy dinh dưỡng..          +Mắc bệnh HIV...          -Mục 7: kết luận cho phần “thách thức” nhiệm vụ của các nguyên thủ quốc gia, các nhà lãnh đạo..          =&gt;Ngắn gọn đầy đủ cụ thể về tình trạng trẻ em trên thế giới hiện nay.</p>
<p>-HS theo dõi mục 8,9.          ? Mục 8,9 đưa ra những điều kiện thuận lợi nào để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc chăm sóc bảo vệ trẻ em?          -? Đó là những thuận lợi chung của cộng đồng quốc tế.Vậy, em hãy trình bày những suy nghĩ của mình về điều kiện của nước ta hiện nay?          -HS theo dõi mục10 đến 17.          ? Nhiệm vụ nào được xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu? tại sao?          ?Chúng ta có thực hiện được quyền này không? tại sao?          ?Ở điều 11, tại sao trẻ em bị tàn tật phải được</p>	<p><b>3-<u>Cơ hội:</u></b>          -Mục 8,9 nêu điều kiện thuận lợi để:          +Đoàn kết các quốc gia...chăm sóc trẻ em.          +Lấy công ước quốc tế về quyền trẻ em làm cơ sở.          +Những cải thiện bầu chính trị thế giới.</p> <p><b>4-<u>Nhiệm vụ:</u></b>          -Mục 10: tăng cường sức khỏe cho trẻ.          +Chúng ta có thể thực hiện được.          -Mục 11: trẻ tàn tật phải được chăm sóc nhiều hơn.</p>

<p>quan tâm nhiều hơn?          ?Tại sao phải bình đẳng nam, nữ cho trẻ em?          Nhiệm vụ này cần đặt ra ở đâu?          ?Ở nước ta, nhiệm vụ thứ 13 được thực hiện như thế nào?          ?Mục 14 đề cập vấn đề gì? Lí do đề quyền này được bảo đảm?          ? Mục 15 đề cập đến nhiệm vụ nào? Nhiệm vụ này có ý nghĩa gì?          ?Mục 16 đề cập đến vấn đề gì? Vì sao?          ? Mục 17 có ý nghĩa như thế nào trong phần này?          ? Em có nhận xét gì về các nhiệm vụ mà bản tuyên bố đưa ra.          ?Em có nhận xét gì về cách lập luận của phần này?          -Ý và lời văn dứt khoát, mạch lạc và rõ ràng.          ? Theo em, sự quan tâm của cộng đồng quốc tế bảo vệ, chăm sóc trẻ em có tầm quan trọng như thế nào?          ?Điều cần ghi nhớ sau khi học xong văn bản này là gì?          ?Khái quát nội dung của văn bản?          ?Nhận xét gì về cách lập luận của văn bản?</p>	<p>-Mục 12: trẻ em phải được hưởng quyền bình đẳng nam nữ.          -Mục 13: Xoá mù chữ ở trẻ em (TH, THCS, THPT)          -Mục 14: Bảo vệ các bà mẹ mang thai.          -Mục 15: Giáo dục tính tự lập cho trẻ em.          -Mục 16: đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển đều đặn nền kinh tế ở tất cả các nước.          -Mục 17: nêu phương hướng thực hiện những nhiệm vụ trên.          =&gt; Bản tuyên bố đã xác định những nhiệm vụ cấp thiết của cộng đồng quốc tế và từng gia đình. Từ tăng cường sức khoẻ, chế độ dinh dưỡng đến phát triển giáo dục cho trẻ em.          *Ý nghĩa tầm quan trọng: bảo vệ quyền trẻ em là nhiệm vụ quan trọng của mỗi quốc gia. Đó cũng là biểu hiện của nền văn minh của quốc gia đó.  <b>III-Tổng kết:</b>          a-Nội dung: ghi nhớ sgk/35.          b-Nghệ thuật:</p>
--	---

**3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>HD của HS và SP cần đạt</b>
<p>+ <b>Bài 1:</b> Làm bài tập trắc nghiệm: SBT trắc nghiệm Ngữ văn 9( từ câu 1=&gt; câu10)            *Yêu cầu HS trình bày đáp án đã trọn.            + <b>Bài 2.</b>            * GV yêu cầu học sinh thảo luận v/đ sau :            a) Nêu suy nghĩ của em về sự quan tâm của Đảng và nhà nước ta đối với trẻ em?            b) Để xứng đáng với sự quan tâm đó em phải làm gì?            + <b>Bài 3:</b> Viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của em về thực tế việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em của nước ta hiện nay?            - GV gợi ý: Cảm nhận về những gì mình đang được hưởng, được ưu tiên...</p>	<p><b>1. Bài 1:</b> làm bài tập trắc nghiệm.   <b>2. Bài 2. Thảo luận</b>   <b>3. Bài 2:</b> Viết đoạn văn.            - Đoạn văn mẫu:</p>

**4. Vận dụng**

- a. **Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  
b. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.  
c. **Tổ chức thực hiện:**

<p>?Nêu những việc làm mà em biết thể hiện sự quan tâm của đảng và chính quyền địa phương em ở đối với trẻ em? ?Nêu những liên hệ bản thân, những suy nghĩ của em khi được sự chăm sóc và giáo dục của gia đình nhà trường và xã hội? - Suu tầm tranh ảnh, bài viết, sự quan tâm của Đảng, nhà nước về trẻ em <b>*.Hướng dẫn về nhà</b> - Làm tiếp bài tập 2 vào vở bài tập. - Học thuộc ghi nhớ. :- Soạn bài “ Các phương châm hội thoại-Tiếp” - Yêu cầu: + Đọc và trả lời các câu hỏi SGK + Tìm thêm một số trường hợp tương tự ví dụ SGK.</p>	<p>-Địa phương xây dựng trường học, trạm y tế tạo điều kiện chăm sóc cho trẻ em.</p>
--	--

\*\*\*\*\*

**Ngày soạn: 12/8/23**

**Tiết 13,14: ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**A. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố các kiến thức về văn bản nhật dụng: vấn đề nhật dụng, hệ thống luận điểm, nghệ thuật lập luận

**2. Kỹ năng:**

- Hệ thống kiến thức
- Trả lời câu hỏi, viết đoạn

**3. Thái độ:** Có ý thức về các vấn đề của cuộc sống

**4. Tích hợp:** Với thành ngữ, các phương châm hội thoại.

**5. Năng lực :**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ thẩm mỹ
- Năng lực làm việc cá nhân, làm việc nhóm, sáng tạo, thuyết trình...
- Năng lực hoàn thiện bản thân

**B. Chuẩn bị của thầy và trò:**

**\* Thầy:**

- Soạn giáo án.
- Hệ thống bài tập, đề luyện

**\* Trò:**

- Hệ thống kiến thức, làm phiếu bài tập

**C. Tiến trình hoạt động dạy - học:**

**1. Ổn định tổ chức lớp :** kiểm tra sĩ số và vệ sinh lớp học.

**2. Kiểm tra bài cũ:** kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**3. Bài mới:**

**\* Hoạt động 1: Khởi động.**

- Học sinh theo dõi phóng sự ngắn về các vấn đề : bảo vệ hòa bình, quyền trẻ em...

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới.**

Hoạt động của thầy	HD của trò	Kiến thức cần đạt	
<p>Nêu những hiểu biết của em về văn bản nhật dụng ?</p>	<p>- Trình bày - Bổ sung</p>	<p><b>I-Khái niệm văn bản nhật dụng</b></p> <p>Khái niệm: Văn bản nhật dụng không phải là kiểu loại riêng (miêu tả, tự sự, biểu cảm...) gồm nhiều kiểu văn bản.</p> <p>Thông thường: đơn, thư, nhật kí, biên bản, ghi chép cá nhân, văn nghị luận, thơ...</p> <p>Văn bản nhật dụng chỉ tính chất cập nhật, gần gũi, bức thiết với đời sống. Đó là những vấn đề được nhắc đến trong báo chí, các phương tiện thông tin truyền thông hằng ngày</p>	
<p>-Hãy hệ thống các vấn đề nhật dụng, phương thức biểu đạt của các văn bản nhật dụng mà em đã học NV 9 ?</p>	<p>- Trình bày ( bảng phụ)</p>	<p><b>II- Hệ thống kiến thức</b></p>	
<p>Tên văn</p>	<p>Tác giả</p>	<p>Nội dung</p>	<p>Hình thức thể hiện</p>
<p><i>Đấu tranh cho một thế giới hoà bình</i></p>	<p>G.G.Mác-két</p>	<p>Bảo vệ hoà bình</p>	<p>Nghị luận và biểu cảm</p>
<p><i>Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em</i></p>	<p>Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em</p>	<p>Quyền trẻ em</p>	<p>Nghị luận</p>
<p><i>Phong cách Hồ Chí Minh</i></p>	<p>Lê Anh Trà</p>	<p>Việc hội nhập và giữ gìn bản sắc văn hóa</p>	<p>Nghị luận</p>

<p>- Đại diện nhóm trình bày hệ thống luận điểm của 3 văn bản nhật dụng trên</p>	<p>- Trình bày</p>	
<p>- Giáo viên giới thiệu các dạng đề, hướng dẫn học sinh chữa</p>	<p>- Phát biểu</p>	<p><b>III- Các dạng đề</b></p>
<p>1. Các câu hỏi nhỏ liên quan kiến thức đọc hiểu</p> <p>Cho đoạn văn sau:</p> <p>" Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác Hồ, cũng như các vị danh nho xưa, hoàn toàn không phải là một cách tự thân thánh hóa, tự làm cho khác đời, hơn đời, mà đây là lối sống thanh cao, một cách di dưỡng tinh thần, một quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống, có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác."</p> <p>a.Nêu xuất xứ của đoạn trích trên.</p> <p>b.Ngoài các bậc danh nho được nhắc đến trong văn bản, em hãy kể tên một bậc danh nho khác là một trong những tác giả trong chương trình Ngữ văn THCS.</p> <p>c.Em hiểu thế nào là “ thanh đạm” ? Từ này thuộc từ loại nào trong Tiếng Việt xét theo nguồn gốc? Hãy nêu tác dụng của việc sử dụng từ đó trong văn bản ?</p> <p>2. Câu hỏi liên hệ</p> <p>Qua bản Tuyên bố, em nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của bảo vệ, chăm sóc trẻ em, về sự quan tâm của cộng đồng quốc tế về vấn đề này?</p> <p>- Sự quan tâm bảo vệ chăm sóc trẻ em có tầm đặc biệt quan trọng bởi nó liên quan đến sự phát triển chung quốc gia và của nhân loại -&gt; Giải thích cụ thể.</p> <p>(-Giải thích : Vì sao chăm sóc trẻ lại ảnh hưởng đến phát triển nhân loại ?</p> <p>-Nêu dẫn chứng</p> <p>- Liên hệ : bản thân, xã hội nên và k nên làm gì)</p> <p>2. Câu viết đoạn</p> <p>a. Nghị luận xã hội</p> <p>Từ văn bản “ Phong cách Hồ Chí Minh ấy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 12 câu nêu suy nghĩ của em cái đẹp của lối sống giản dị.</p> <p>b. Nghị luận văn học</p> <p>Viết đoạn văn (khoảng 10 -12 câu) theo phép lập luận Tổng phân hợp làm rõ câu chủ đề sau:</p> <p>“Thực trạng về cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay đang bị rơi vào hiểm họa, khổ cực nhiều mặt”.</p> <p>Định hướng:</p> <p>- Hình thức: + T-P-H</p> <p>- Nội dung: + Dựa vào phần “sự thách thức”, Liên hệ, Hành động</p> <p>* Chuẩn bị tiết sau ôn tập kiểm tra, làm phiếu bài tập</p>		

Ngày soạn: 14/8/23

TIẾT 15,16 ,17

## CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG.

(Truyền kì mạn lục-Nguyễn Dữ)

### I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

#### 1. Kiến thức :

- + Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.
- + Hiện thực về số phận người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống của họ.
- + Sự thành công của tác giả về nghệ thuật kể truyện.
- + Mối liên hệ giữa tác phẩm và Vợ chàng Trương.

#### 2. Năng lực:

- + Giao tiếp: Trình bày, suy nghĩ, nhận xét đánh giá, liên hệ thực tế

#### 3. Phẩm chất:

- + Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

### II. CHUẨN BỊ:

-Thầy: giáo án, sgk, bảng phụ. Trò: vở soạn, sgk.

### III-Tổ chức các hoạt động dạy và học

#### 1.Mở đầu

##### a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le chiến tranh.

**b. Nội dung:** HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

##### c. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	HD của HS và SP cần đạt
<b>-Kiểm tra: KT vở soạn.</b> - GV thuyết trình, giới thiệu: - Ghi tên bài	HS hình dung và cảm nhận - Ghi tên bài

#### 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu:** tìm hiểu tác giả, tác phẩm, thức biểu đạt và bố cục văn bản, nội dung và nghệ thuật của Vb. Nv VN và TS.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

##### c. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	HD của HS và SP cần đạt
GV hướng dẫn cách đọc, đọc mẫu : chú ý phân biệt lời kể và lời đối thoại nhân vật ?Tóm tắt truyện. ?Trình bày ngắn gọn sự hiểu biết của em về Nguyễn Dữ ? ?Sáng tác ? -Truyền kì mạn lục. ?Em hiểu gì về Truyền kì mạn lục ? ? Em hiểu gì về « Chuyện người con gái	<b><u>I Tìm hiểu chung về văn bản</u></b> <b><u>1-Đọc,Chú thích</u></b> *Tác giả : -Nguyễn Dữ -Quê : Hải Dương -Là học trò của Nguyễn Bình Khiêm -Sống ở thế kỉ XVI khi triều đình nhà Lê khủng hoảng. -Sự nghiệp sáng tác : Truyền kì mạn lục.



<p>Nam Xương » ?          -Chuyện thành vở chèo « Chiếc bóng oan khiên »          -Tóm tắt tr.</p> <p>?Xác định kiểu văn bản và PTBĐ ?          ?Truyện có thể chia làm mấy đoạn ?          (có nhiều cách chia)</p> <p>?Nhân vật Vũ Nương được tác giả giới thiệu như thế nào ?          ?Qua lời giới thiệu của tác giả, em hình dung như thế nào về Vũ Nương?          ?Trong những ngày đầu làm vợ chàng Trương đức hạnh của nàng được thể hiện như thế nào?          ?Trong buổi chia tay với chồng, nàng nói lời tiễn biệt như thế nào?          ?Qua lời dặn dò ấy, ta hiểu thêm gì về tính cách và nguyện ước của nàng?          -Yêu thương chồng rất mực (mặc dù Trương Sinh đã bỏ tiền ra mua nàng về nhưng khi đã làm vợ, Vũ Nương luôn hết lòng yêu thương, luôn làm tròn bổn phận của người vợ)</p> <p>?Em có nhận xét gì về câu văn, nhịp văn ở đoạn này?          -Nhịp nhàng, uyển chuyển...</p> <p>?Trong những năm xa chồng, cuộc sống của Vũ Nương ra sao?</p> <p>?Phẩm chất của VN?</p>	<p>*Tác phẩm :          - « Chuyện người con gái Nam Xương » rút từ tập Truyền kì mạn lục.          -Truyện viết bằng chữ Hán.          -Mượn cốt truyện dân gian « Vợ chàng Trương » chuyên thể</p> <p><b><u>2-Kiểu văn bản và PTBĐ</u></b>          -Truyện kì+ Tự sự+ miêu tả.</p> <p><b>3-Bố cục:</b> 3 đoạn.</p> <p><b><u>II-Phân tích.</u></b></p> <p><b><u>1-Nhân vật Vũ Nương.</u></b>          -Quê: Nam Xương.Tính: thùy mị, nết na          -Dung nhan: xinh đẹp          =&gt;Đẹp người đẹp nết.          *Khi mới lấy chồng:          -Nàng cư xử đúng mực.          -giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải thất hòa.          *Khi tiễn chồng đi lính:          -Dặn dò đậm nghĩa tình của một người vợ.          -Không mong vinh hiển, áo gấm phong hầu, chỉ mong chồng trở về được bình yên.          -Cảm thông với những gian nan nguy hiểm mà chồng sẽ phải vượt qua.          -Khắc khoải nhớ nhung, ứa hai hàng lệ          =&gt;là người vợ hết mực yêu thương chồng, mong muốn cuộc sống bình yên (khát vọng bình dị, mộc mạc)          -Câu văn nhịp nhàng theo lối biền ngẫu, hình ảnh ước lệ dùng điển tích: thê chẻ tre, dưa chín quá kì, liễu rủ bãi hoang, thư tín nghìn hàng...quan san.          *Cuộc sống khi xa chồng:          Thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, nàng lại chạnh nỗi buồn góc bể chân trời.          ⇒ Là một người vợ thủy chung, yêu chồng tha thiết</p>
<p>?Với mẹ chồng?          ? Trước khi mất, lời trăng trối của mẹ chồng chứa đựng ý tứ sâu xa gì với nàng?</p>	<p><b>*Với mẹ chồng:</b>          Khi mẹ ốm: lo lắng thuốc thang, lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn, cúng bái thần phật.          -Khi mẹ chồng chết: nàng hết lời thương</p>

Qua đó giúp em cảm nhận được điều gì về Vũ Nương?

?Với con, nàng là người mẹ như thế nào?

?Lời trời trăng của bà mẹ chồng giúp ta hiểu thêm điều gì về Vũ Nương ?

\* *GV nêu yêu cầu:* Em cảm nhận gì về tình cảm của tác giả qua những chi tiết này?

\* *GV chốt, chuyển ý:* Đáng lẽ Vũ Nương phải được hưởng hạnh phúc nhưng nàng lại gặp oan khuất....

\* Thầy hướng dẫn trò theo dừi đoạn truyện: "Qua năm sau (45)...nhưng việc trút đó qua rồi" (46)

H. Mở đầu phần hai của truyện là sự việc gì? Diễn biến ra sao?

H. Bị nghi oan, Vũ Nương có mấy lời thoại? Nàng nói với những ai? í kiến của em thế nào về những lời thoại ấy?

+ **Nhóm 1:** Trong lời thoại 1, Vũ Nương nói với ai, đến những gì? Nhằm mục đích gì?

+ **Nhóm 2:** Đọc lời thoại 2, Vũ Nương đã bộc lộ thái độ và tâm trạng gì vào lúc này? Vì sao nàng lại có thái độ và tâm trạng đó?

+ **Nhóm 3:** Ở lời thoại 3, Vũ Nương nói với ai, có tâm trạng gì? Nàng đã hành động ra sao? Vì sao nàng lại hành động như vậy?

?Vũ Nương không còn cách nào khác, ngoài cái chết để minh oan cho mình, em nghĩ gì về lời than và hành động trầm mình của nàng?

? Theo em, nguyên nhân dẫn đến cái chết oan uổng của Vũ Nương là gì?( nguyên nhân trực tiếp, nguyên nhân tình cờ, nguyên nhân sâu xa?).

xót, phạm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình.

-Lời trăng trời của bà mẹ thể hiện sự ghi nhận nhân cách và đánh giá công lao của nàng đối với gia đình nhà chồng=> Đó là cách đánh giá chính xác, khách quan.

+Nàng là người con dâu hiếu thảo.

-Với con:

+Nàng là người mẹ nhân hậu

\***Nỗi oan khuất của VN**

- Trương Sinh trở về, được tin mẹ mất, con vừa học nói.

- Nghe lời con nhỏ nghi ngờ vợ thất tiết đánh đuổi đi.

- 3 lời thoại:

- **Lời thoại 1:** Nàng nói đến thân phận mình, nói đến tình nghĩa vợ chồng, khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng, ***cầu xin chồng đừng nghi oan***

- **Lời thoại 2:** Nói với chồng về nỗi đau đớn, thất vọng khi khi không hiểu vì sao bị đối xử bất công, hạnh phúc gia đình tan vỡ

+ **Lời thoại 3: *Sự tuyệt vọng đến tột cùng, cuộc hôn nhân tan vỡ đến độ không thể hàn gắn nổi. phải chết một cách oan uổng.***

- **Lời than** như một lời nguyện, lời cầu xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất và sự trong sạch của nàng.

- **Hành động:** tắm gội chay sạch, trầm mình-> hành động quyết liệt cuối cùng dưới sự chỉ đạo của lí trí,

- **Nguyên nhân của nỗi oan VN:**

+ Nguyên nhân tình cờ: lời nói vô tình, ngây thơ của đứa con nhỏ- Bé Đản.

+ Nguyên nhân trực tiếp: sự ghen tuông mù quáng, sự ích kỉ, độc đoán, nam quyền của Trương Sinh.

+ Nguyên nhân sâu sa:

- do chế độ phong kiến nam quyền,

- do chiến tranh PK phi nghĩa.

-> Cái chết là lời tố cáo xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ, độc đoán bất

<p>? Nghệ thuật kể chuyện của đoạn có gì đặc biệt? Tác dụng?          - GV bổ sung: Tác giả đã miêu tả cuộc sông ở dưới thủy cung là một thế giới đẹp từ thiên nhiên đến con người, từ lời nói đến quan hệ tình nghĩa. Đối lập với cuộc sống bạc bẽo của trần thế □ mục đích tố cáo hiện thực xã hội.          * GV : Khi gặp Phan Lang, VN nói về điều oan tở ý muốn trở về...nhờ nói với chàng Trương...Thay đổi ý định □ không về nữa.          ?Điều đó thể hiện nàng là con người ntn?</p>	<p>công.          - <b>V.Nương sống ở thủy cung.</b>          + Người bị chết oan vẫn giữ vẹn phẩm chất của mình.          +V.Nương được giải oan.          nhớ quê hương, không muốn mang tiếng xấu, tha thiết với hạnh phúc gia đình, ân nghĩa, thủy chung, vị tha độ lượng.          -&gt; từ bỏ cuộc sống bất công</p>
<p>?Chiến tranh kết thúc, Trương Sinh quay trở về có điều gì xảy ra trong gia đình? Tâm trạng của chàng ra sao? Em có nhận xét gì về giọng điệu kể ở đoạn?          ?Trong hoàn cảnh và tâm trạng ấy, lời nói của bé Đản đã tác động ntn đến Trương Sinh? Hãy phân tích?           ?Từ sự nghi ngờ, Trương Sinh đã có lời nói và hành động đối với Vũ Nương ntn? Dẫn đến hậu quả gì?          ?Qua cách xử sự của Trương Sinh cho thấy nhân vật này là người ntn?          ? Hình ảnh cái bóng có vai trò gì trong câu chuyện?          ? . Em có nhận xét gì về cách dẫn dắt tình tiết câu chuyện, những lời trần thuật, những lời đối thoại,cách đưa yếu tố kì ảo? Tác dụng của những biện pháp nghệ thuật đó?</p>	<p><b><u>b-Nhân vật Trương Sinh và hình ảnh cái bóng.</u></b>  <b>*Trương Sinh:</b>          Mẹ mất, con vừa học nói=&gt; Tâm trạng nặng nề, buồn bã.          + Giọng kể mang vẻ ngậm ngùi, rời rạc          - Lời nói ngây thơ đã gieo vào lòng Trương Sinh mối <b><i>ngghi ngờ không thể giải toả được</i></b>: chàng ngạc nhiên khi nghe con nói : đêm nào cũng đến.. cũng ngồi”. Thông tin ấy như lửa đổ thêm dầu. Vốn đa nghi, nay chàng càng có cơ để khẳng định vợ hư hỏng-&gt; tính đa nghi đến độ cao trào.  <b>- Chàng không đủ bình tĩnh để phán đoán, phân tích</b>, bỏ ngoài tai những lời phân trần của vợ, không tin những nhân chứng bên vực cho nàng, không nói ra lí do, duyên cớ cho vợ có cơ hội minh oan.          - La um lên cho hả giận, lấy chuyện bóng gió mắng nhiếc, đánh đuổi vợ đi.=&gt; dẫn đến cái chết oan nghiệt của Vũ Nương.          =&gt; Vũ phu, thô bạo, cư xử hồ đồ          → tố cáo chế độ trọng nam khinh nữ  <b>*Hình ảnh cái bóng:</b>          - Cái bóng chi tiết tạo nên kịch tính truyện: Nó là điểm nýt tạo nỗi oan khiên (vỡ nó mà Trương Sinh nghi ngờ vợ) và giải toả nỗi oan khiên (nhờ nó mà Trương Sinh thấu hiểu nỗi oan của vợ).   <b>- Cách dẫn dắt tình tiết truyện:</b> Trên cơ sở cốt</p>

<p>* GV bổ sung thêm:          + <i>VD về cách đưa tình tiết:</i>          Trương Sinh đem trăm lạng vàng cưới Vũ Nương, lời trăng trối của mẹ chồng, lời phân trần giải bày của Vũ Nương, lời nói của bé Đản          -&gt; làm cho nút thắt càng chặt hơn, truyện giàu tính kịch và gợi cảm.          + <i>Cách đưa yếu tố kì ảo</i>          - Về địa danh: bến Hoàng Giang,          - Về thời điểm lịch sử: cuối thời khai đại nhà Hồ,          - Nhân vật lịch sử: Trần Thiêm Bình,          - Sự kiện lịch sử: quân Minh xâm lược          -&gt; Làm cho thế giới kì ảo lung linh mơ hồ trở nên gần gũi với cuộc đời thường. Làm tăng độ tin cậy khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.          ? Thông qua hai nhân vật Vũ Nương, Trương Sinh tác giả thể hiện thái độ như thế nào ?          ? Hãy hệ thống lại các thủ pháp NT được sử dụng trong tác phẩm? Qua đó thể hiện nội dung gì ?</p>	<p>truyện có sẵn, tác giả sắp xếp lại, thêm bớt hoặc tô đậm những tình tiết có ý nghĩa, có tính chất quyết định đến quá trình diễn biến của truyện cho hợp lí, tăng cường tính bi kịch-&gt; Truyện hấp dẫn sinh động hơn.          - <b>Những đoạn đối thoại, lời tự bạch được sắp xếp đúng chỗ</b>          -&gt; Khắc sâu quá trình tâm lí và tính cách nhân vật.          - <b>Cách thức đưa yếu tố kì ảo vào truyện:</b> các yếu tố kì ảo được đan xen với các yếu tố thực          ./ Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp của Vũ Nương, một con người dù ở thế giới khác vẫn nặng tình với cuộc đời, quan tâm đến tổ tiên, chồng con, khát khao được phục hồi danh dự.          ./ Tạo nên một kết thúc có hậu cho tác phẩm, thể hiện ước mơ ngàn đời của người dân về sự công bằng trong xã hội, cái thiện luôn chiến thắng cái ác.  <b>*Thái độ của tác giả:</b>          -Phê phán sự ghen tuông mù quáng, ngợi ca phụ nữ tiết hạnh</p> <p><b>III-Tổng kết:</b>  <b>a-Nghệ thuật:</b>  <b>2/ Nội dung :</b>  <b>Ý nghĩa văn bản</b>          Với quan niệm cho rằng hạnh phúc khi đã tan vỡ không thể hàn gắn được, truyện phê phán thói ghen tuông mù quáng và ngợi ca vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.</p>
---	--

**3.Luyện tập**

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.
- b. **Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. **Tổ chức thực hiện**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>HĐ của HS và SP cần đạt</b>
<p>? Các hình ảnh: “bình rơi trầm gãy, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió” có ý nghĩa n.t.nào?</p> <p>? Hãy tìm những chi tiết khác nhau thể hiện sự sáng tạo của N.Dữ so với chuyện cổ tích?</p> <p>? Trong chuyện cổ tích, khi bị oan, Vũ Nương chạy ra sông tự tử. Còn trong Chuyện người con gái N.Xương, Vũ Nương tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang thề cùng trời đất rồi mới gieo mình xuống sông. Hai cách kể đó tạo nên ý nghĩa khác nhau n.t.nào?</p>	<p>Nghe, thảo luận, trả lời</p>

**4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Tổ chức thực hiện:**

<p>-Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em sau khi học văn bản?</p> <p><b>*Hướng dẫn về nhà</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nắm được các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của truyện.</li><li>- Làm BT 4 bằng cách viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về nhân vật VN.</li><li>+ Đọc và soạn bài mới . Xem và tự trả lời trước các câu hỏi bài Xung hụ trong hội thoại. Đọc, soạn văn bản <i>Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp</i></li></ul>	<b>Viết</b>
---	-------------

**Ngày soạn: 16/8/23**

**TIẾT : 18**

## **CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (tiếp)**

### **I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức:**

- + Mối quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.
- + Những trường hợp không tuân thủ hội thoại .

**2. Năng lực:**

- + Ra quyết định: lựa chọn cách vận dụng các phương châm hội thoại trong giao tiếp của bản thân.
- + Giao tiếp: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, trao đổi về đặc điểm, cách giao tiếp đảm bảo các phương châm hội thoại

**3. Phẩm chất:**

- + Giáo dục học sinh có thái độ lịch sự trong giao tiếp.

### **II. CHUẨN BỊ:**

- Thầy: giáo án, sgk, bảng phụ.Trò: vở bài tập, sgk,

### **III-Tổ chức các hoạt động dạy và học:**

**1.Mở đầu**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình huống giao tiếp trg c/s.

**b. Nội dung:** HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

**c) Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>HD của HS và SP cần đạt</b>
<p><b>-Kiểm tra:</b> * GV giới thiệu bài: - Ghi tên bài</p>	<p>- Ghi tên bài</p>

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** hiểu được mối quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp những nguyên tắc khi vận dụng PC hội thoại.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

**c. Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>HD của HS và SP cần đạt</b>
<p>-Gọi hs đọc truyện cười sgk. ?Nhân vật chàng rể có tuân thủ phương châm lịch sự không? Vì sao? -Có.Vì đã quan tâm đến người khác. ?Câu hỏi ấy có được sử dụng đúng chỗ đúng lúc không?Tại sao? -Sử dụng không đúng chỗ đúng lúc....  ?Từ câu chuyện trên, em rút ra bài học gì</p>	<p><b><u>I-Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.</u></b> <b><u>1-Bài tập</u></b> sgk/36. Văn bản “Chào hỏi” -Tuân thủ phương châm lịch sự. Vì nó thể hiện sự quan tâm đến người khác. -Sử dụng không đúng chỗ đúng lúc. =&gt; khi giao tiếp, không những tuân thủ các phương châm hội thoại mà còn phải nắm được các đặc điểm của tình huống giao tiếp:</p>

<p>trong giao tiếp? -Ghi nhớ sgk.</p> <p>-HS đọc ghi nhớ sgk/36 ?Kể tên các phương châm đã học? ?Trong các bài học ấy, những tình huống nào tuân thủ phương châm hội thoại? -HS đọc bài tập 2(thảo luận nhóm)</p> <p>?Câu trả lời của Ba có đáp ứng được yêu cầu của An không? ?Trong tình huống này, phương châm nào không được tuân thủ? ? Vì sao Ba không tuân thủ phương châm về lượng? -HS đọc tình huống 3 (Thảo luận nhóm) ?Khi bác sĩ nói tránh đi để bệnh nhân yên tâm thì bác sĩ đã không tuân thủ phương châm hội thoại nào? ?Việc nói dối của bác sĩ có thể chấp nhận được không? Vì sao? ?Nếu bác sĩ nói thật thì phương châm nào không được tuân thủ? ?Em hãy tìm tình huống tương tự? *HS đọc bài tập 4 (thảo luận). ? Khi nói “tiền bạc chỉ là tiền bạc” có phải người nói không tuân thủ phương châm về lượng không? ?Theo em, nên hiểu nghĩa của câu này thế nào? ?Câu trả lời của ông bố không tuân thủ phương châm hội thoại nào? ?Câu trả lời này có thể coi là đúng trong trường hợp nào?</p>	<p>-Nói với ai?Nói khi nào?Nói ở đâu? -Nói nhằm mục đích gì? <b>2-Kết luận:</b>SGK</p> <p><b>II-Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.</b> <b>1-Bài tập:</b> sgk/37. -Có 5 phương châm hội thoại đã học. -Có 2 tình huống đã học trong bài phương châm lịch sự là tuân thủ phương châm hội thoại. *Bài 2 -Đoạn đối thoại +Câu trả lời chưa đáp ứng được câu hỏi. =&gt;không tuân thủ phương châm về lượng. =&gt; không nên nói điều không có bằng chứng xác thực. *Bài 3:  -Bác sĩ không tuân thủ phương châm về chất. -Có thể chấp nhận được.Vì có lợi cho bệnh nhân. *Bài 4: -Tiền bạc chỉ là tiền bạc  +Về hiển ngôn: không tuân thủ.  +Về hàm ẩn: có tuân thủ phương châm về lượng <b>2-Kết luận:</b> ghi nhớ sgk/57.</p>
---	---

**3.Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	HD của HS và SP cần đạt
	<p><b>III-Luyện tập:</b> <b>1-Bài 1</b> sgk/38. -Không tuân thủ phương châm cách thức.</p>

	<p>-Không tuân thủ phương châm cách thức.Vì, với cậu bé 5 tuổi thì “Tuyển tập Nam Cao là câu chuyện mơ hồ, viễn vông. <u>2-Bài 2/38</u> - Vi phạm phương châm lịch sự. -Việc tuân thủ ấy là vô lí.Vì khách đến nhà phải hỏi chủ nhà rồi mới trò chuyện nhất là ở đây lời nói của vị khách thật hồ đồ không căn cứ.</p>
--	--

#### 4.Vận dụng

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

#### c. Tổ chức thực hiện:

<p>? -Đặc điểm của giao tiếp là gì? Viết đoạn văn có sử dụng các phương châm hội thoại -Vẽ sơ đồ tư duy minh họa. <b>*Hướng dẫn về nhà</b> - Học thuộc nội dung ghi nhớ 1,2. - Làm tiếp bài tập 3 trong vở bài tập. -Soạn : “Chuyện người con gái Nam Xương”</p>	<p><b>Nghe, viết</b></p>
--	--------------------------



**Ngày soạn: 18/8/23**

**TIẾT : 19**

## **CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

### **I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

#### **1. Kiến thức :**

- Biết và hiểu được thế nào là cách dẫn trực tiếp và lời dẫn trực tiếp.
- Biết và hiểu được thế nào là cách dẫn gián tiếp và lời dẫn gián tiếp.

#### **2. Năng lực:**

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực truyền thông, năng lực sử dụng ngôn ngữ ,...
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực giao tiếp, phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân

#### **3. Phẩm chất:**

- Có ý thức giao tiếp phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh, mục đích để đạt hiệu quả giao tiếp.

### **II. CHUẨN BỊ:**

- Thầy: giáo án, sgk, bảng phụ. Trò: vở ghi, vở bài tập, sgk.

### **III-Tổ chức hoạt động dạy và học.**

#### **1.Mở đầu**

##### **a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về cách trích dẫn trong văn bản.

##### **b. Nội dung:** HS theo dõi và thực hiện yêu cầu của GV.

##### **c. Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>HĐ của HS và SP cần đạt</b>
<b>-Kiểm tra:</b> Tìm trong văn bản " <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> " một số lời nói của nhân vật Vũ Nương. Nhận xét đó là lời nói hay ý nghĩ? -- Ghi tên bài	<b>Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình</b>  - Ghi tên bài

#### **2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

##### **a. Mục tiêu:** Nắm đc cách dẫn trực tiếp, cách dẫn g. Tiếp. Thực hành để nắm chắc hơn kt

##### **b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

##### **c. Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>HĐ của HS và SP cần đạt</b>
? Hãy cho biết các từ in đậm trên bảng trong các ngữ liệu a,b thì: 1.Phần in đậm nào là lời nói được phát ra thành lời? Vì sao em xác định như vậy? - Phần in đậm trong ngữ liệu a là lời nói được phát ra thành lời vì trước nó có từ "nói". - Phần in đậm trong ngữ liệu b là ý nghĩ trong đầu vì trước nó có từ "nghĩ".	<b><u>I- Cách dẫn trực tiếp.</u></b> <b><u>1-Bài tập</u></b> a-Lời nói phát ra thành lời. -Tách khỏi bộ phận đứng trước bằng dấu "..." b- -Bộ phận in đậm là ý nghĩ trong đầu, được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng dấu "..." -Có thể đảo được, thêm dấu gạch ngang để ngăn cách 2 phần. <b><u>2-Kết luận.</u></b> Dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý

<p>? Phần in đậm trong VD a, b đâu là lời nói, đâu là ý nghĩ? Vì sao em khẳng định như vậy?                  ? Các từ đó được dẫn ntn?                  ? Các từ đó được tách ra khỏi phần đứng trước nó bằng dấu hiệu gì?                  ? Có thể thay từ “rằng” bằng từ “là” được không?                  ? Cách dẫn như 2 VD trên gọi là cách dẫn gián tiếp. Vậy em hiểu thế nào là dẫn gián tiếp?</p>	<p>nghĩ của nhân vật hoặc của một người nào đó, được đặt trong dấu ngoặc kép.  <b><u>II-Cách dẫn gián tiếp.</u></b>  <b><u>1-Bài tập</u></b>                  -Phần a: lời nói.                  -Phần b: ý nghĩ.                  +Phần a: không có dấu hiệu.                  +Phần b: có từ “rằng”  <b><u>2-Kết luận:</u></b> ghi nhớ sgk/54.</p>
---	--

**3.Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>HD của HS và SP cần đạt</b>
<p><b>*Hoạt động 4: Luyện tập</b>                  -HS làm bài tập theo nhóm, thảo luận.                  ?Cho biết trong các đoạn trích đó, đâu là lời dẫn trực tiếp? Lời dẫn gián tiếp? Đâu là lời? Đâu là ý?                  -a: dẫn lời.                  -b: dẫn ý                  ?Các nhóm thực hiện bài 2.                  ?Dẫn các ý kiến đó theo 2 cách trực tiếp và gián tiếp.                  -Gọi hs trình bày.                  =&gt;GV nhận xét.                  ?Cho hs thuật lại cách dẫn gián tiếp?</p>	<p><b><u>III-Luyện tập.</u></b>  <b><u>1-Bài 1:</u></b>                  -Cả hai tình huống đều là cách dẫn trực tiếp.                  +a: dẫn lời.                  +b: dẫn ý.  <b><u>2-Bài 2:</u></b> Viết một đoạn văn có liên quan đến một trong 3 ý ở bài tập trên.                  VD: +Trực tiếp:                  Trong báo cáo chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Hồ Chủ Tịch nhấn mạnh “Chúng ta....anh hùng”                  +Gián tiếp:                  Trong báo cáo chính trị, Hồ Chủ Tịch nhấn mạnh rằng: Chúng ta.....anh hùng”.  <b><u>3-Bài tập 3:</u></b> Dựa vào đoạn trích sgk, hs thuật lại cách dẫn gián tiếp.</p>

**4.Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

**c.Tổ chức thực hiện**

<p>- Bài tập (bảng phụ): Giáo sư Đặng Thai Mai có nhận xét: “Thơ Bác đầy trăng”. Bằng những bài thơ trăng của Bác, em hãy CM.                  Hãy chỉ ra lời dẫn và cho biết đó là lời dẫn gì?                  -Viết một đoạn văn, dung lời dẫn trực tiếp và một đoạn có lời dẫn gián tiếp.                  - Tìm các ví dụ minh họa trong văn bản chuyện người con gái Nam Xương các cách dẫn trực tiếp và gián tiếp.</p>	
---	--

## VĂN 9 KÌ 1

---

-Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong cuộc sống được vận dụng như thế nào ?

**\*Hướng dẫn về nhà**

: - Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

- Hoàn thiện bài tập vào vở bài tập.

- Yêu cầu:+ Tập tóm tắt văn bản " Chuyện người con gái Nam Xương".

Ngày soạn: 20/8/23

## **TIẾT 20 SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG**

### **I. Mục tiêu cần đạt:**

#### **1. Kiến thức:**

- Nắm được một trong những cách quan trọng để phát triển của từ vựng tiếng Việt là biến đổi và phát triển nghĩa của từ trên cơ sở nghĩa gốc.
- Hai phương thức phát triển nghĩa của từ

#### **2. Kỹ năng:**

- Nhận biết ý nghĩa của từ ngữ trong các cụm từ và trong văn bản.
- Phân biệt các phương thức tạo nghĩa mới của từ ngữ với các phép tu từ ẩn dụ, hoán dụ.

#### **3. Thái độ:**

- Phát triển nghĩa của từ dựa trên cơ sở nghĩa gốc.

#### **4. Hình thành và phát triển năng lực:**

- Năng lực tự học, năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực hợp tác, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản bản thân, ....

### **II. Các kỹ năng sống cơ bản được giáo dục trong bài**

1. Tự nhận thức: Nhận thức được sự phát triển của từ vựng tiếng Việt rất quan trọng.
2. Làm chủ bản thân: Lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp
3. Giao tiếp: Trao đổi về sự phát triển của từ vựng tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hóa những vấn đề cơ bản của từ vựng tiếng Việt.

### **III. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học**

1. Thực hành: luyện tập sử dụng từ theo những tình huống giao tiếp cụ thể.
2. Động não: Suy nghĩ, phân tích, hệ thống hóa các vấn đề về từ vựng tiếng Việt.

### **IV. Phương tiện dạy học**

1. GV: Một số ví dụ và tình huống liên quan đến sự phát triển của từ vựng, bảng phụ.
2. HS: Tìm các tình huống, từ mới có liên quan đến sự phát triển về nghĩa.

### **V. Tiến trình dạy học:**

#### **1. Ổn định lớp: 1'**

#### **2. KTBC: 5'** Giáo viên treo bảng phụ ghi truyện cười.

1. Đọc truyện cười sau và xác định lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp

*Hai người lính cùng bị đối phương truy tìm. Một anh chạy nấp ở bờ ruộng, một anh nấp ở đồng rơm. Anh nấp ở bờ ruộng nghĩ rằng dù anh ta có bị phát hiện và có phải chết thì cũng đành chịu chứ nhất định không khai anh bạn nấp ở đồng rơm. Khi anh ta bị đối phương phát hiện, anh liền hô to: “Ta thà chết chứ nhất định không khai anh bạn đang nấp ở đồng rơm!”.*

2. Thế nào là lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp? Lời trao đổi của nhân vật trong các tác phẩm văn học (nhất là văn xuôi) thường được dẫn bằng cách nào?

#### **3. Bài mới:** Giới thiệu ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội. Nó không ngừng phát triển và được thể hiện ở nhiều mặt. Tiết học này đề cập đến sự phát triển về mặt từ vựng.

<b>HĐ của thầy và trò</b>	<b>ND cần đạt</b>
<b>HĐ1:</b> Giúp HS tìm hiểu sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ -Yêu cầu 1 HS đọc bài “Vào nhà	<b>I. Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ:15'</b> <b>1. Ví dụ:</b>

*ngục..... cảm tác*” của Phan Bội Châu.

? Trong bài thơ có câu “*Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế*”. Từ “*kinh tế*” có ý nghĩa gì.

? Ngày nay, cách hiểu đó còn dùng không.

- GV giới thiệu nghĩa mới của từ *kinh tế* theo từ điển tiếng Việt.

? Qua đó, em rút ra nhận xét gì về nghĩa của từ.

- Nhận xét và kết luận

- Gọi HS đọc đoạn thơ a,b trong VD 2.

- Giới thiệu quyển từ điển tiếng Việt, hướng dẫn HS tra nghĩa của từ “*xuân*”, “*tay*”.

? Hãy cho biết nghĩa của các từ “*xuân*”, “*tay*” trong các câu trên và cho biết nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển.

? Trong trường hợp có nghĩa chuyển thì nghĩa chuyển đó được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào.

- Giúp HS nhớ lại hiện tượng chuyển nghĩa của từ đã học ở lớp 6.

? Qua ví dụ hãy cho biết: có mấy cách phát triển nghĩa của từ. Sự phát triển nghĩa của từ dựa trên những cơ sở nào.

- Khái quát lại kiến thức và gọi HS đọc ghi nhớ.

**? BT nhanh:** Cho biết từ *mặt trời* nào là nghĩa gốc, từ *mặt trời* nào là nghĩa chuyển (chuyển theo phương thức nào).

*Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*

*Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.*

- Nhận xét và kết luận: *mặt trời* (1): nói về nguồn chiếu sáng trên trái đất → là nghĩa gốc, *mặt trời* (2): mượn hình ảnh *mặt trời* để nói về đứa con

VD1: *Bủa tay..... bồ kinh tế*

- Từ “*kinh tế*”: trị nước cứu đời (nghĩa cũ).

- Nghĩa mới: hoạt động của con người trong lao động sản xuất, trao đổi, phân phối và sử dụng của cải vật chất làm ra.

-> Nghĩa của từ luôn biến đổi và không ngừng phát triển theo sự phát triển của xã hội.

VD2:

a, *Xuân*(1): mùa xuân trong năm → nghĩa gốc.

*Xuân*(2): tuổi trẻ (ẩn dụ)

→ nghĩa chuyển.

b, *Tay*(1): bộ phận phía trên cơ thể → nghĩa gốc.

## **2. Ghi nhớ:** SGK/56

## **II. Luyện tập: 20’**

1. Nhận biết nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ

Từ “*chân*”.....

*Chân* (1): nghĩa gốc

*Chân* (2): nghĩa chuyển

(hoán dụ)

*Chân* (3,4): nghĩa chuyển

(ẩn dụ)

2. Nhận biết các phương thức phát triển nghĩa của từ

Từ điển tiếng Việt...

Cách dùng “*trà*” trong những câu trên là cách dùng với nghĩa chuyển.

→ Là sản phẩm từ thực vật được chế biến thành dạng khô.

**Bài tập 3:** Nghĩa chuyển của từ *đồng hồ* như

của người mẹ → là nghĩa chuyển.

**HD2: Hướng dẫn HS làm bài tập.**

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1.
- Yêu cầu HS thảo luận cặp và trình bày kết quả.

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- Gọi ý và hướng HS cách làm.

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 4.
  - Làm mẫu từ “*hội chứng*” và chia nhóm cho HS làm các từ tiếp theo.
  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV: Yêu cầu lớp chia 4 nhóm:
- nhóm 1+ 2: Thảo luận đặt tình huống có sử dụng hai từ và chỉ ra hai từ đó từ nào là từ mang nghĩa gốc, từ nào là từ mang nghĩa chuyển.
  - Nhóm 3+4: lên bảng thi tiếp sức ghi những từ được phát triển theo nghĩa gốc của các từ.

? Hãy giải thích nghĩa của từ “tay” trong câu thơ sau:

“*Một tay gây dựng cơ đồ*

*Bấy lâu bề Sở sông Ngô tung hoành*”

GV: Yêu cầu học sinh phân biệt phép ẩn dụ tu từ và phương thức ẩn

sau:

- Đồng hồ điện: dùng để đếm số đơn vị điện đã tiêu thụ để tính tiền.
- Đồng hồ nước: dùng để đếm số đơn vị nước đã tiêu thụ để tính tiền.
- Đồng hồ xăng: dùng để đếm số đơn vị xăng đã tiêu mua để tính tiền.

**4. Xác định nghĩa của từ trong cụm từ và câu.**

**\* Hội chứng:**

- Hội chứng suy giảm miễn dịch( SIDA)
- Hội chứng chiến tranh Việt Nam( nỗi ám ảnh, sợ hãi của cựu chiến binh Mỹ sau khi tham chiến ở VN).
- Hội chứng “ phong bì” ( một biến tướng của nạn hối lộ)
- Hội chứng “ kính thưa” ( hình thức dài dòng, rườm rà, vô nghĩa khi giao tiếp)
- Hội chứng “bằng rơm” ( một hiện tượng tiêu cực mua bán bằng cấp)

**\*Ngân hàng:**

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam( cơ quan phát hành và lưu trữ giấy bạc cấp quốc gia).
- Ngân hàng máu( lượng máu dự trữ để cấp cứu các bệnh nhân)
- Ngân hàng đề thi( số lượng đề thi dùng để bốc thăm cho mỗi kì thi cụ thể)

**\*Sốt:**

- Cháu sốt cao quá phải đi bệnh viện ngay( một dạng ốm, thân nhiệt không bình thường).
- Con sốt giá vẫn chưa thuiyên giảm! ( giá cả các mặt hàng tăng liên tục, chưa dừng lại).
- Chưa vào hè mà đã sốt tử lạnh, máy điều hoà nhiệt độ !( hiện tượng khan hiếm hàng hoá).

**\*Vua:**

- Vua mỉm cười, nói: “ các khanh hãy bình thân!” ( là người đứng đầu triều đại phong kiến)
- Vua chiến trường( loại pháo lớn nhất, nòng dài, cỡ nòng: 175 li)

---

đụ trong việc tạo nghĩa của từ mới GV? Sự phát triển của từ vựng giúp ích gì cho Tiếng Việt?	- Vua toán( người học giỏi toán nhất lớp) 5. Tìm các ví dụ về nghĩa của từ nhiều nghĩa 6. Phân biệt phép ẩn dụ tu từ và phương thức ẩn dụ trong việc tạo nghĩa của từ mới.
--	---

**4. Củng cố: (3')**

H. Có những phương thức chuyển nghĩa nào chủ yếu? :

**5. Dặn dò: (1')**

- Học thuộc ghi nhớ trong SGK.
- Hoàn chỉnh các bài tập trên.
- Làm bài tập 5.
- Chuẩn bị bài 4, 5- Tiết 22

HD: Ôn tập cách tóm tắt văn bản tự sự trong chương trình Ngữ văn lớp 8.

\*\*\*\*\*